

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 65 /2025/NQ-HĐND

Quảng Ninh, ngày 17 tháng 7 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức trợ cấp hưu trí xã hội, định mức kinh phí chi cho công tác quản lý và chi phí chi trả chính sách trợ cấp hưu trí xã hội trên địa bàn tỉnh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15;

Căn cứ Luật Cư trú số 68/2020/QH14;

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội số 41/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 176/2025/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về trợ cấp hưu trí xã hội;

Xét Tờ trình số 2251/TTr-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức trợ cấp hưu trí xã hội đối với người hưởng trợ cấp hưu trí xã hội trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh; Báo cáo thẩm tra số 148/BC-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2025 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức trợ cấp hưu trí xã hội, định mức kinh phí chi cho công tác quản lý và chi phí chi trả chính sách trợ cấp hưu trí xã hội trên địa bàn tỉnh.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức trợ cấp hưu trí xã hội, định mức kinh phí chi cho công tác quản lý và chi phí chi trả chính sách trợ cấp hưu trí xã hội trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng và điều kiện hưởng trợ cấp hưu trí xã hội

1. Công dân Việt Nam từ đủ 75 tuổi trở lên được hưởng trợ cấp hưu trí xã hội khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Có nơi thường trú và sinh sống trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh không được hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng; hoặc đang hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng thấp hơn mức trợ cấp hưu trí quy định tại Nghị quyết này.

b) Có văn bản đề nghị hưởng trợ cấp hưu trí xã hội.

2. Công dân Việt Nam từ đủ 70 tuổi đến dưới 75 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định của Chính phủ, của tỉnh Quảng Ninh và đáp ứng đủ điều kiện quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Mức trợ cấp hưu trí xã hội, định mức kinh phí chi cho công tác quản lý và chi phí chi trả chính sách trợ cấp hưu trí xã hội

1. Đối tượng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này được hưởng trợ cấp hưu trí xã hội hằng tháng mức 700.000 đồng/tháng.

Trường hợp đối tượng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này đồng thời thuộc đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng thì được hưởng chế độ trợ cấp cao hơn.

2. Định mức kinh phí chi cho công tác quản lý và chi phí chi trả chính sách trợ cấp hưu trí xã hội:

a) Định mức kinh phí chi cho công tác quản lý ở cấp tỉnh: bằng 0,2%/năm của tổng kinh phí chi trả chế độ, chính sách trợ cấp hưu trí xã hội cho đối tượng hưởng trợ cấp hưu trí xã hội trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

b) Định mức kinh phí chi cho công tác quản lý ở xã, phường, đặc khu: bằng 3%/năm của tổng kinh phí chi trả chế độ, chính sách trợ cấp hưu trí xã hội cho đối tượng hưởng trợ cấp hưu trí xã hội trên địa bàn xã, phường, đặc khu.

c) Mức chi phí chi trả chế độ, chính sách trợ cấp hưu trí xã hội trên địa bàn xã, phường, đặc khu: tối đa bằng 1,6% tổng số tiền trợ cấp hưu trí xã hội hằng tháng chi cho đối tượng hưởng trợ cấp hưu trí xã hội thuộc phạm vi quản lý.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

Từ nguồn ngân sách tỉnh.

Điều 5. Quy định chuyển tiếp

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 27 tháng 7 năm 2025.

2. Đối tượng quy định tại các điểm a, b, c khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 21/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh và điểm e khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 21/2021/NQ-HĐND được bổ sung bởi điểm b khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh đang hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng đủ điều kiện hưởng trợ cấp hưu trí xã hội được chuyển sang hưởng trợ cấp hưu trí xã hội từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu căn cứ danh sách, hồ sơ của đối tượng đang hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng xem xét quyết định chuyển sang hưởng trợ cấp hưu trí xã hội hằng tháng theo mức trợ cấp quy định tại Nghị quyết này. Đối tượng không phải làm văn bản đề nghị theo quy định.

4. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật mới thì áp dụng theo các văn bản được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết đảm bảo công khai, minh bạch, kịp thời, đúng đối tượng. Giám đốc Sở Y tế, thủ trưởng các cơ quan liên quan, đơn vị liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu chịu trách nhiệm toàn diện trong việc rà soát, thẩm định, thẩm tra, tổ chức thực hiện; kiểm soát rủi ro chính sách, bảo đảm quản lý chặt chẽ, tuyệt đối không để xảy ra vi phạm trực lợi, thất thoát ngân sách nhà nước. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện chính sách, kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm đối với các vi phạm (nếu có).

2. Giao Thường trực, các ban, các tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh tuyên truyền tạo sự đồng thuận của Nhân dân và giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh Khóa XIV, Kỳ họp thứ 29 thông qua ngày 17 tháng 7 năm 2025./

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội, Chính phủ (b/c);
- Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Quốc hội (b/c);
- UB CTĐB của Quốc hội;
- Các bộ: Tài chính, Y tế, Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XIV;
- Các ban xây dựng Đảng và VP Tỉnh ủy;
- Cơ quan UB MTTQ Việt Nam tỉnh Quảng Ninh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- TT HĐND, UBND các xã, phường, đặc khu;
- VP: Đoàn ĐBQH & HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Trung tâm Truyền thông tỉnh, Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, HĐ9.

CHỦ TỊCH



Trịnh Thị Minh Thanh